

Th.s Lê Thị Thuý Hiền
Khoa Thông tin Thư viện

1. Văn hóa đọc

1.1. Khái niệm văn hóa

Văn hóa là một khái niệm đa nghĩa và phức tạp; do đó có rất nhiều định nghĩa và cách hiểu khác nhau về văn hóa tùy thuộc mục tiêu và góc độ tiếp cận của nhà nghiên cứu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng viết:

Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn [1].

Trong tài liệu *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam* [2] nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm cho rằng: “*Văn hóa là một hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo, tích lũy trong quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội*”.

Văn hóa là sản phẩm của con người, do con người sáng tạo và phục vụ lợi ích của con người, là những “giá trị” luôn có ý nghĩa đối với con người. Con người sáng tạo ra văn hóa và với tư cách là thành viên của một nền văn hóa con người lại tiếp thu các giá trị văn hóa, bảo tồn nó đồng thời truyền đạt nó từ thế hệ này sang thế hệ khác. Văn hóa gắn liền với truyền thống của xã hội và có sức mạnh riêng, tạo nên từ tính trường tồn của nó cùng thời gian.

Văn hóa có những nét chung toàn nhân loại, có những nét tương đồng

¹ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập - tập 10*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

² Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, TP.HCM.

giữa các cộng đồng dân tộc; nhưng luôn tồn tại và phát triển với những nét riêng, khác biệt tạo nên bản sắc về văn hóa giữa các vùng miền, cộng đồng, tộc người. Văn hóa luôn được con người giữ gìn và truyền lại cho đời sau nhằm phục vụ cho lợi ích lâu dài của con người và xã hội. Văn hóa ngày càng trở nên quan trọng đối với con người và xã hội; ngày nay, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Mặc dù có rất nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa nhưng có thể thấy, các định nghĩa đều gặp nhau ở chỗ xác định bản chất của văn hóa trên hai phương diện:

- Thứ nhất: Văn hóa gắn với sự thể hiện, phát huy, giải phóng “năng lực bản chất người” trong tất cả mọi dạng hoạt động và quan hệ của con người, văn hóa xuất hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội;

- Thứ hai: Văn hóa bao gồm thể giới các giá trị được kết tinh trong “thiên nhiên thứ hai” - với tư cách là sản phẩm của hoạt động sáng tạo của con người.

1.2. Hoạt động đọc

Đọc là một hoạt động đặc trưng của con người, hơn nữa của những người có trình độ học vấn cao trong xã hội. Đọc là một quá trình giải mã thông tin được phản ánh dưới dạng tài liệu. Trong quá trình đọc con người phải vận dụng các giác quan; đặc biệt là thị giác và tư duy, kinh nghiệm để giải mã thông tin trong tài liệu. Để giải mã thông tin, trước hết con người phải có kinh nghiệm trong việc tri giác chữ viết, văn tự; sau đó là kiến thức nền tảng để có thể hiểu được thông tin, vận dụng thông tin vào hoạt động thực tiễn một cách sáng tạo.

Hoạt động đọc là hoạt động tinh thần bên trong của con người, bắt nguồn từ nhu cầu đọc. Hoạt động đọc có sự tham gia trực tiếp của các yếu tố tâm linh như: cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, ngôn ngữ. Vì thế, đọc là quá trình tâm lý đặc biệt của con người, trong đó không chỉ có sự tham gia của các quá trình nhận thức cảm tính, lý tính mà còn có sự chi phối của các trạng thái tâm lý và các thuộc tính tâm lý cá nhân. Sự khác nhau trong việc đọc được quy định bởi trình độ văn hóa, sự hiểu biết và năng lực tư duy của mỗi người.

1.3. Khái niệm văn hóa đọc

Trong bất cứ hoạt động nào của con người, khía cạnh văn hóa đọc được nhìn nhận ở mức độ sáng tạo và nhân văn của con người - cái thể hiện năng lực

bản chất người và được kết tinh thành các giá trị và biểu hiện ra trong các chuẩn mực của hoạt động.

Văn hóa đọc là một vấn đề được nhiều nhà khoa học trên thế giới quan tâm. Đã có khá nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến văn hóa đọc và phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng; đặc biệt là văn hóa đọc của sinh viên.

Khái niệm văn hóa đọc được phát biểu theo nhiều khía cạnh khác nhau nhưng nhìn chung có thể thấy văn hóa đọc được tiếp cận dưới hai góc độ: *văn hóa đọc như một lớp văn hóa của cộng đồng dân cư* trong một giai đoạn nhất định và *văn hóa đọc như một dạng văn hóa hành vi của mỗi người trong xã hội*. Quan điểm này cũng đã được nêu khá rõ trong bài báo của Milena Tsvetkova “*Văn hóa đọc trở lại với phương tiện máy tính*” [3] hoặc “*Văn hóa đọc: điều kiện đọc và viết có phê phán*” của George, D. và Trimbur, J. [4].

Văn hóa đọc được tiếp cận dưới góc độ văn hóa hành vi được coi là biểu hiện phong văn hóa của con người thông qua các yếu tố nhu cầu, hứng thú đọc; khả năng nhận dạng nhu cầu đọc; khả năng lựa chọn và định vị tài liệu; khả năng giải mã văn bản; khả năng tiếp thu và vận dụng tri thức đã đọc vào cuộc sống; hiểu biết về bản quyền và sở hữu trí tuệ có liên quan đến tài liệu; sự trân trọng của người đọc đối với tác giả của tài liệu và chính tài liệu. Bởi vậy muốn phát triển văn hóa đọc cần nâng cao phong văn hóa của mỗi người (Milena Tsvetkova, George, D. và Trimbur, J.).

William A. Johnson [5] nhấn mạnh: việc đọc là một hiện tượng xã hội hơn là một hiện tượng đơn lẻ, nó phát triển không ngừng theo thời gian, với gốc rễ bám sâu trong truyền thống của mỗi dân tộc. Việc đọc không phải là một hoạt động, hay thậm chí một quá trình, mà là một hệ thống, một hệ thống văn hóa rất phức tạp, ảnh hưởng tới nhiều cách hiểu khác nhau trong việc người đọc giải mã ngôn từ của tác giả. Milena Tsvetkova [6] cho rằng có thể coi việc đọc là một hoạt động nhận thức đặc biệt quan trọng đối với việc hình thành văn hóa

³ Tsvetkova, M., (2006) “The way Computers Rehabilitate the Culture of Reading” E-magazine LiterNet, No 4 (77).

⁴ George, D & Trimbur, J., (2006), Reading culture: contexts for critical reading and writing, Pearson/Longman.

⁵ Johnson W.A. 2002 “Reading cultures and education” Reading etween the Lines: New Perspectives on Foreign Language Literacies. Ed. P. Patrikis. Yale University Press

⁶ Tsvetkova, M., (2006) “The way Computers Rehabilitate the Culture of Reading” E-magazine LiterNet, No 4 (77).

thông tin của con người: hiểu được các ý tưởng phát minh, tiếp nhận, lưu giữ, cải biến và tổ chức thông tin sáng tạo ra tri thức mới và áp dụng chúng trong thực tiễn. Ở cấp độ cá nhân, văn hóa đọc phản ánh năng lực nhận thức và khuynh hướng tinh thần giúp cho việc nhận dạng các biểu tượng chữ viết bằng võng mạc tạo nên các cảm xúc tinh thần.

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu ở nước ngoài đã có sự thống nhất khi cho rằng văn hóa đọc thể hiện mức độ sáng tạo của con người trong hoạt động đọc, là khả năng con người vận dụng tất cả các năng lực để hiểu, lĩnh hội tri thức trong tài liệu.

Ở Việt Nam trong những năm gần đây cũng có nhiều quan niệm khác nhau về văn hóa đọc. Dịch giả, nhà nghiên cứu Bùi Văn Sinh nhấn mạnh "*Văn hóa đọc thể hiện chủ yếu ở năng lực đọc văn bản, vì thế cần phải huấn luyện từ nhỏ*". Mà huấn luyện từ nhỏ chủ yếu dựa trên hai nền tảng: nhà trường và gia đình. Thế nhưng hai nền tảng này hiện nay đang bị xem là rất mong manh trong việc chống đỡ hay xây dựng một văn hóa đọc tiên tiến. ThS. Bùi Văn Vượng coi thuật ngữ văn hóa đọc là đọc sách có văn hóa hay xây dựng một xã hội đọc sách.

Theo tác giả Vũ Đàm: "*Văn hóa đọc là hoạt động văn hóa của con người thông qua việc đọc sách, báo, tài liệu để tiếp nhận và xử lý thông tin, tri thức một cách hoa học, bổ ích*" [7].

Nguyễn Hữu Viêm [101] cho rằng: Văn hóa đọc là một khái niệm có hai nghĩa, một nghĩa rộng và một nghĩa hẹp. Ở nghĩa rộng, văn hóa đọc hay nói nôm na văn hóa đọc của mỗi quốc gia phải bao gồm đầy đủ ba thành phần: ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của các quan chức và cơ quan nhà nước; ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của cộng đồng xã hội và ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của mỗi thành viên trong xã hội. Như vậy văn hóa đọc ở nghĩa rộng là sự hợp thành của ba yếu tố, hay chính xác hơn là ba lớp như ba vòng tròn không đồng tâm, ba vòng tròn giao nhau. Ở các quốc gia phát triển có nền văn hóa đọc cao họ đều phát triển khá đồng đều và hài hòa ba thành phần này. Ở nghĩa hẹp văn hóa đọc là ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân. Ứng xử, giá trị và

⁷ Vũ Đàm (200) Tìm hiểu đặc trưng của văn hóa đọc, "Tạp chí Người đọc sách" (8), tr.18-19

chuẩn mực này cũng gồm ba thành phần: thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc. Ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc lành mạnh của mỗi cá nhân trong xã hội là thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc lành mạnh của họ. Đó chính là nền tảng của một xã hội học tập, của việc học suốt đời, một yêu cầu cũng là một thách thức của xã hội hiện đại. Tuy nhiên, tác giả Nguyễn Hữu Viêm chưa giải thích rõ thế nào là chuẩn mực đọc, giá trị đọc.

TS. Lê Văn Việt quan niệm, đọc đến một mức độ trình độ nhất định nào đó thì mới được coi là văn hóa đọc [8]. Trong tài liệu *Thư viện học: những bài viết chọn lọc* [9], tác giả đã trình bày các khái niệm về nhu cầu đọc, việc đọc và văn hóa đọc đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu đọc sách và các đặc điểm nhu cầu đọc của người dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Khái niệm văn hóa đọc được phát biểu theo nhiều cách khác nhau nhưng tựu trung lại văn hóa đọc được tiếp cận dưới góc độ hành vi của con người được xem xét khá thống nhất ở trình độ đọc của chủ thể. Sự khác nhau thể hiện ở chỗ, có một số tác giả nhấn mạnh trình độ đọc ở sự thể hiện nhu cầu đọc, thậm chí có người đặc biệt coi trọng nhu cầu đọc sách văn học; một số nhấn mạnh ở kỹ năng đọc; một số tác giả coi văn hóa đọc là tổng hợp của nhu cầu đọc, kỹ năng đọc và ứng xử với tài liệu.

Từ các quan điểm trên có thể thấy mặc dù được phát biểu theo những cách thức khác nhau, văn hóa đọc được nhìn nhận như thuộc tính sáng tạo của con người trong quá trình đọc. Tiếp cận việc đọc như một dạng hoạt động sáng tạo của con người, có bản chất văn hóa, PGS.TS. Trần Thị Minh Nguyệt và cộng sự cho rằng: “Văn hóa đọc là tổng thể các năng lực của chủ thể hướng tới việc tiếp nhận và sử dụng thông tin trong tài liệu; thể hiện ở khả năng định hướng tới tài liệu, khả năng lĩnh hội tài liệu một cách sáng tạo, đồng thời thể hiện cả ở thái độ ứng xử với tài liệu của mỗi người” [10].

2. Môi trường số

⁸ Võ Công Nam, Lê Văn Việt, Cao Thanh Phước (2011), *Phát triển văn hóa đọc trong thanh thiếu niên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh* (đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ) Đại học Văn hóa TP.HCM, TP.HCM

⁹ Lê Văn Việt (2006) *Thư viện học: những bài viết chọn lọc*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

¹⁰ Trần Thị Minh Nguyệt (2015), *Giáo dục văn hóa đọc cho trẻ em lứa tuổi nhi đồng ở Việt Nam* (nghiên cứu trường hợp trên địa bàn Hà Nội) (đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hà Nội.

Trước khi tìm hiểu khái niệm môi trường số, chúng ta làm quen với khái niệm "Môi trường điện tử". Theo Điều 3, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử: "*Môi trường điện tử là môi trường trong đó thông tin được tạo lập, cung cấp, trao đổi, thu thập, xử lý, lưu trữ thông qua mạng Internet, mạng máy tính, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu*"¹¹.

Ngày nay, chúng ta có thể thấy tác động của công nghệ thông tin trong mọi bước đi của cuộc sống như ngân hàng, bảo hiểm, đường sắt, hàng không, v.v., tương tự như vậy, các thư viện cũng không bị tụt hậu trong việc theo đuổi này. Sách, tạp chí và tài liệu đọc trước đó chỉ có sẵn trên các phương tiện in ấn. Nhưng ngày nay các thư viện được trang bị máy vi tính, máy in, máy quét, máy đọc mã vạch, video, đĩa compact, đĩa mềm, băng từ, cassette, RFID (Thiết bị nhận dạng tần số vô tuyến), cơ sở dữ liệu trong nhà và thương mại để cung cấp thông tin cho người đọc qua mạng. Mục lục truy cập cộng đồng trực tuyến (OPAC) đã thay đổi hình dạng của mục lục thẻ truyền thống. Trong các thư viện truyền thống thường có những tủ mục lục lớn nhưng hiện nay người đọc có thể truy cập mục lục thư viện bằng cách nhấp chuột trên máy tính chiếm một không gian nhỏ. Các thư viện cũng đang cung cấp các dịch vụ Internet, e-mail và tạp chí trực tuyến cho người sử dụng để có thông tin đầy đủ và toàn diện trong các lĩnh vực tương ứng. Điều này chỉ là do lý do này mà thông tin cũng có sẵn ở dạng số hóa.

Khái niệm môi trường điện tử hiện nay đã trở nên quen thuộc trong cuộc sống hiện đại với các thiết bị điện tử và không gian mạng, sự tương tác của chúng với con người. Môi trường điện tử đối với các thư viện là môi trường sử dụng công nghệ thông tin và viễn thông để tự động hoá và triển khai các hoạt động phục vụ, cho phép bạn đọc/ người dùng tin truy cập nguồn tài nguyên thông tin của thư viện thông qua các phương tiện điện tử như Internet, điện thoại di động, mạng xã hội... Sự tương tác giữa bạn đọc/ người dùng tin với nguồn tài nguyên thông tin của thư viện diễn ra 24/24 giờ, 7 ngày/ tuần. Bạn đọc/ người dùng tin có thể thụ hưởng các dịch vụ thông tin của thư viện cho dù

¹¹ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/Nghi-dinh-45-2020-ND-CP-thuc-hien-thu-tuc-hanh-chi-trên-môi-trường-điện-tử-426372.aspx>

họ ở bất cứ đâu trên đất nước hay ở nước ngoài.

Môi trường số là một môi trường truyền thông tích hợp, nơi các thiết bị kỹ thuật số giao tiếp và quản lý nội dung và hoạt động bên trong nó. Khái niệm này dựa trên các hệ thống điện tử kỹ thuật số được tích hợp và triển khai cho một cộng đồng toàn cầu¹². Các thành phần chính của môi trường kỹ thuật số thường bao gồm trang web, máy chủ đám mây, công cụ tìm kiếm, cửa hàng truyền thông xã hội, ứng dụng di động, âm thanh, video và các tài nguyên dựa trên web.

Môi trường kỹ thuật số - một khái niệm rất rộng mà theo mục đích của nghiên cứu này được rút gọn thành ba khía cạnh:

(1) kỹ thuật số, bao gồm cả tài liệu nội dung được số hóa, có bản chất chủ yếu là văn bản và tường thuật;

(2) các kênh kỹ thuật số mà thông qua đó thúc đẩy hoạt động đọc (ví dụ: các chiến dịch tiếp thị);

(3) kiến thức kỹ thuật số, tức là các kỹ năng mà người đọc cần phải nắm vững để sử dụng phần cứng và phần mềm cần thiết để đọc hoặc nghe nội dung văn bản kỹ thuật số.

3. Văn hóa đọc trong môi trường số

Tác động của phương tiện truyền thông kỹ thuật số đối với việc đọc ngày càng trở thành đối tượng nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết của các nhà nghiên cứu từ nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là tâm lý học, khoa học máy tính, giáo dục, nghiên cứu văn học, thư viện và khoa học thông tin. Mỗi ngành học đã phát triển các trọng tâm và phương pháp nghiên cứu độc đáo của mình. Mục đích của nghiên cứu này không phải là xem xét tất cả các cách tiếp cận và nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên, một cuộc kiểm tra các tài liệu liên quan cho thấy rằng có một số nghiên cứu thiết yếu đáng được quan tâm hơn.

Với lượng thông tin kỹ thuật số ngày càng tăng và thời gian mọi người dành để đọc các phương tiện điện tử ngày càng tăng, môi trường kỹ thuật số đã bắt đầu ảnh hưởng đến hành vi đọc của mọi người. Một số học giả cho rằng sự

¹² <https://en.unesco.org/creativity/sites/creativity/files/dce-policyresearch-book2-cn-web.pdf>

xuất hiện của phương tiện kỹ thuật số, cùng với bản chất rời rạc của siêu văn bản, đang đe dọa khả năng đọc lâu dài (Healy, 1990¹³; Birkerts, 1994¹⁴). Birkerts (1994) lưu ý thêm rằng thế hệ trẻ lớn lên trong môi trường kỹ thuật số thiếu khả năng đọc sâu và duy trì sự tham gia lâu dài vào việc đọc.

Bolter (1991)¹⁵ cho rằng: Việc chuyển từ bản in sang máy tính không có nghĩa là bản thân việc biết đọc biết viết chấm dứt, nhưng việc biết đọc biết viết, vì công nghệ điện tử cung cấp cho chúng ta một loại sách mới và những cách mới để viết và đọc.

Phương tiện kỹ thuật số góp phần tạo ra một sự thay đổi đáng kể trong việc đọc. Chúng có một số lợi thế mà truyền thống không có trong môi trường in, chẳng hạn như tính tương tác, tính phi tuyến tính, khả năng truy cập thông tin tức thì, và sự hội tụ của văn bản và hình ảnh, âm thanh và video (Landow, 1992¹⁶; Lanham, 1993¹⁷; Murray, 1997¹⁸; Ross, 2003¹⁹). Lanham (1995)²⁰ so sánh sự khác biệt giữa khả năng đọc viết và kỹ thuật số. Ông khẳng định rằng:

Đối với tài liệu in, ý tưởng và cách thể hiện của nó hầu như là một. Ý nghĩa có dạng từ; từ tạo ra ý nghĩa. Kỹ thuật số hoạt động theo một cách vốn dĩ khác. Cùng một mã kỹ thuật số thể hiện các từ và số có thể, nếu các thông số của biểu thức được điều chỉnh, tạo ra âm thanh và hình ảnh. Biến thể tham số này đứng ở trung tâm của tính biểu hiện kỹ thuật số, một vai trò mà nó không bao giờ có được trong tài liệu in ấn.

Khả năng hiểu biết về kỹ thuật số có thể nâng cao khả năng của chúng ta trong việc cung cấp thông tin phù hợp hơn với người nhận mục tiêu (ví dụ: người khuyết tật). Cho dù mọi người có thích phương tiện kỹ thuật số hay không, thì việc đọc và biết đọc biết viết đang được định nghĩa lại bởi sự xuất

¹³ Healy, J.M. (1990), *Endangered Minds: Why Our Children Don't Think*, Simon and Schuster, New York, NY.

¹⁴ Birkerts, S. (1994), *The Gutenberg Elegies: The Fate of Reading in an Electronic Age*, Faber and Faber, Boston, MA.

¹⁵ Bolter, J.D. (1991), *Writing Spaces: The Computer, Hypertext, and the History of Writing*, Laurence Erlbaum Associates, Hillsdale, NJ.

¹⁶ Landow, G.P. (1992), *Hypertext: The Convergence of Technology and Contemporary Critical Theory*, Johns Hopkins University Press, Baltimore, MD.

¹⁷ Lanham, R.A. (1993), *The Electronic Word: Technology, Democracy, and the Arts*, University of Chicago Press, Chicago, IL.

¹⁸ Murray, J.H. (1997), *Hamlet on the Holodeck: The Future of Narrative in Cyberspace*, MIT Press, Boston, MA.

¹⁹ Ross, C.S. (2003), "Reading in a digital age", available at www.camls.org/ce/ross.pdf

²⁰ Lanham, R.A. (1995), "Digital literacy", *Scientific American*, Vol. 273 No. 3, pp. 198-200.

hiện của công nghệ kỹ thuật số. Sự ra đời của các phương tiện truyền thông mới mang lại cả khả năng tích cực và tiêu cực. Trong một nghiên cứu về tác động của các phương tiện truyền thông mới đối với thói quen đọc của mọi người từ những năm 1970 đến những năm 1990, Knulst et al. (1996)²¹ thấy rằng: Phương tiện truyền thông mới yêu cầu người dùng trình bày rõ ràng hơn sở thích của họ [...]. Bằng cách sử dụng bảng điều khiển, người dùng có thể áp đặt ý muốn của mình đến từng chi tiết nhỏ nhất, và do đó mỗi lần phải đối mặt với kết quả theo sở thích của riêng mình. Với tài liệu đa phương tiện, mọi người không được khuyến khích đợi cho đến khi họ biết nhiều hơn về một chủ đề trước khi họ nhấp vào chủ đề tiếp theo, hoặc để tự mở ra những quan điểm chưa biết. Và đây chính xác là một trong những thành tựu to lớn của văn hóa đọc.

Tài liệu in và tài liệu kỹ thuật số có những ưu điểm và hạn chế riêng. Thách thức đối với người đọc là xác định khả năng áp dụng của một dạng tài liệu cụ thể trong một bối cảnh nhất định. Ví dụ, tài liệu điện tử có xu hướng hữu ích hơn cho việc tìm kiếm, trong khi tài liệu truyền thông trên giấy được ưu tiên hơn cho việc tiêu thụ thông tin thực tế. Đọc vẫn là phương pháp hiệu quả nhất để truyền đạt từ ngữ. Một xã hội phức tạp hơn sẽ yêu cầu tăng lượng đọc hơn là giảm lượng đọc. Câu hỏi còn lại chúng ta nên giải quyết là loại tài liệu mà việc đọc được thực hiện. Có vẻ như máy tính trong tương lai sẽ thay thế sách in như một phương tiện đọc như cách nó thay thế máy đánh chữ như một công cụ viết. Ross (2003)²² gợi ý rằng chúng ta cần chú ý nhiều hơn đến cách người đọc thực sự tham gia vào các phương tiện truyền thông khác nhau, lý do của họ để chọn định dạng này hơn định dạng khác và sự hài lòng với mỗi định dạng. Trong một nghiên cứu gần đây về thực hành đọc tại Đại học Quốc gia Mexico, Ramirez (2003)²³ phát hiện ra rằng gần 80% sinh viên thích đọc một đoạn văn bản kỹ thuật số trên bản in để hiểu văn bản một cách rõ ràng. Gần 68% người được hỏi báo cáo rằng họ hiểu và lưu giữ được nhiều thông tin

²¹ Knulst, W.P., Kraaykamp, G., van den Broek, A. and de Haan, J. (1996), "Reading habits: 50 years of research on reading and threats to reading: cultural foundations", available at: www.scp.nl/boeken/studies/studie23/uk/samenvatting.htm

²² Ross, C.S. (2003), "Reading in a digital age", available at www.camls.org/ce/ross.pdf

²³ Ramirez, E. (2003), "The impact of the internet on the reading practices of a university community: the case of UNAM", Proceedings of the 69th IFLA General Conference and Council, available at: www.ifla.org/IV/ifla69/papers/019e-Ramirez.pdf

hơn khi họ đọc các tài liệu dạng in ấn. Tuy nhiên, chỉ 4% số người được hỏi báo cáo điều ngược lại. Độ phân giải thấp hơn trên màn hình máy tính là một trong những yếu tố chính khiến mọi người in tài liệu (đặc biệt là tài liệu dài) để đọc. Hartzell (2002)²⁴ cũng lưu ý rằng đọc từ màn hình chậm hơn tới 30% so với đọc cùng một văn bản trên trang in. Murphy và cộng sự (2003)²⁵ tập trung vào tính thuyết phục của văn bản in và văn bản điện tử. Họ lưu ý rằng sinh viên đại học đọc văn bản trực tuyến thấy văn bản khó hiểu hơn, kém thú vị hơn và các tác giả ít đáng tin hơn những người đọc bản in.

Đọc không phải là một hoạt động đơn lẻ. Đó là một hành vi phức tạp và có thể thay đổi. Nó liên quan đến các mục đích khác nhau và yêu cầu các kỹ năng khác nhau trong việc xử lý tài liệu. McKnight (1997)²⁶ đưa ra một số hiểu biết tuyệt vời về hành vi đọc của các phương tiện điện tử. Ông nhận thấy rằng mọi người không thích đọc từ màn hình. Họ thích in các tài liệu điện tử để đọc, thậm chí là các bản in từ máy in kim. Ông cho rằng xu hướng gần đây trong việc gắn các tài liệu điện tử ở định dạng PDF của Adobe cũng không khuyến khích việc đọc trên màn hình và khuyến khích in. Mọi người có xu hướng in các tài liệu dài hơn có thể hiển thị trên một vài màn hình. Con người cũng biết cách tổ chức và thao tác với văn bản giấy, nhưng thao tác với văn bản điện tử đòi hỏi một bộ kỹ năng khác.

Mọi người thích duyệt và tìm mọi thứ một cách tình cờ. Nunberg (1994)²⁷ ghi chú: Xem lướt cơ sở dữ liệu tài liệu sẽ không bao giờ có nhiều thông tin như lướt qua kho sách hoặc thư viện, vì tài liệu điện tử không mang dấu vết thực tế về nguồn gốc của chúng như cách mà sách in vẫn làm. Nhưng nó có thể không khác nhiều so với việc duyệt xung quanh trong một cửa hàng cho thuê video.

Lật và đọc (kiểu đọc liên quan đến tài liệu in) không chỉ là phương tiện để định vị thông tin trong tài liệu mà còn là phương tiện để hiểu toàn bộ văn

²⁴ Hartzell, G. (2002), "Paper lion", *School Library Journal*, Vol. 48 No. 9, p. 37.

²⁵ Murphy, P.K., Long, J.F., Holleran, T.A. and Esterly, E. (2003), "Persuasion online or on paper: a new take on an old issue", *Learning and Instruction*, Vol. 13, pp. 511-32

²⁶ McKnight, C. (1997), "Electronic journals: what do users think of them?", *Proceedings of the International Symposium on Research, Development and Practice in Digital Libraries*, University of Library and Information Science, Tsukuba

²⁷ Nunberg, G. (1994), "The places of books in the age of electronic production", in Bloch, R.H. and Hesse, C. (Eds), *Future Libraries*, University of California Press, Berkeley, CA.

bản. Thao tác cuộn trên màn hình máy tính không hỗ trợ chế độ đọc và xử lý thông tin này. Người đọc có xu hướng thiết lập trí nhớ trực quan cho vị trí của các mục trên trang và trong tài liệu. Thao tác cuộn làm suy yếu mối quan hệ này (Olsen, 1994)²⁸. Có một sự tương đồng lịch sử của kiểu đọc này. Như Manguel (1996)²⁹ lưu ý: Cuộn khó sử dụng có bề mặt hạn chế - một nhược điểm mà chúng ta ngày nay rất chú ý đến, khi đã quay trở lại dạng sách cổ này trên màn hình máy tính của chúng ta, chỉ hiển thị một phần văn bản tại một thời điểm khi chúng ta “cuộn” lên hoặc xuống.

Thời gian dành cho việc đọc

Trong thời đại kỹ thuật số, mọi người đang dành nhiều thời gian hơn cho việc đọc sách. Mặc dù lượng thời gian dành cho việc đọc sách liên quan nhiều đến công việc và trách nhiệm gia đình. Hai yếu tố chính có thể góp phần làm tăng thời gian đọc:

- (1) bùng nổ thông tin; và
- (2) công nghệ kỹ thuật số.

Các tài liệu kỹ thuật số rất dễ tìm kiếm và cũng cho phép nhiều cơ hội hơn trong việc tiếp cận nhiều thông tin hơn. Ví dụ, một tài liệu trên web có trung bình 9 liên kết (Almind và Ingwersen, 1997³⁰). Điều này có nghĩa là khi người dùng truy cập vào một tài liệu web, họ cùng lúc có cơ hội truy cập chín tài liệu khác. Một vấn đề khác cần được lưu ý ở đây là mọi người phải đối mặt với khối lượng tuyệt đối và sự đa dạng của thông tin. Họ chọn dành bao nhiêu thời gian để đọc là một quyết định rất quan trọng, vì thực tế là họ không thể tăng thời gian đọc vô hạn.

Sự xuất hiện của các phương tiện kỹ thuật số đã thay đổi cách chúng ta dành một phần đáng kể thời gian để đọc các tài liệu kỹ thuật số. Theo báo cáo của United States Statistical Abstracts, tổng chi phí cho các phương tiện in đang thu hẹp trong khi tổng chi cho các phương tiện điện tử đang tăng lên. Xu hướng tiêu dùng ngày càng tăng của phương tiện truyền thông điện tử và giảm

²⁸ Olsen, J. (1994). *Electronic Journal Literature: Implications for Scholars*, Mecklermedia, London

²⁹ Manguel, A. (1996). *A History of Reading*, Viking, New York, NY

³⁰ Almind, T.C. and Ingwersen, P. (1997), "Informetric analyses on the world wide web: methodological approaches to 'webometrics'", *Journal of Documentation*, Vol. 53 No. 4, pp. 404-26.

chi phí trên phương tiện in ấn càng được hỗ trợ bởi thực tế là người ta dành nhiều thời gian hơn cho việc truy cập trực tuyến / internet và ít thời gian hơn trên các tờ báo hàng ngày và tạp chí tiêu dùng thông thường.

Đọc dựa trên màn hình

Khoảng năm 1750, có một sự thay đổi đáng kể trong cách mọi người đọc tài liệu. Họ chỉ có một vài cuốn sách để đọc và họ đã đọc đi đọc lại chúng nhiều lần. Tuy nhiên, đến đầu những năm 1800, mọi người bắt đầu đọc nhiều thứ hơn. Họ đọc tất cả các loại tài liệu, đặc biệt là tạp chí và báo định kỳ, và chỉ đọc một lần trước khi chạy sang mục tiếp theo (Darnton, 1989³¹). Từ sự phát triển của việc đọc, không khó để hình dung rằng duyệt hoặc xem lướt đang trở thành một kiểu đọc chính trong môi trường sử dụng nhiều thông tin ngày nay. Với lượng thời gian ngày càng tăng dành cho việc đọc các tài liệu điện tử, hành vi đọc trên màn hình đang nổi lên. Hành vi đọc dựa trên màn hình được đặc trưng bởi nhiều thời gian hơn khi duyệt và xem lướt, phát hiện từ khóa, đọc một lần, đọc phi tuyến tính và đọc có chọn lọc hơn; trong khi ít thời gian dành cho việc đọc chuyên sâu và đọc tập trung, và sự chú ý bền vững đang giảm.

Duyệt / đọc lướt và dò từ khóa nhiều hơn.

Một nghiên cứu trên 350 tạp chí khoa học được xuất bản trong 40 năm (1944-1988) cho thấy “các kết quả thực nghiệm ngày càng được hiển thị rõ ràng trong các tiêu đề, phần tóm tắt, phần mở đầu và phần đề mục nhưng các phần phương pháp và quy trình ngày càng bị xếp xuống vị trí thứ yếu” (Berkenkotter và Huckin, 1993³²). Do số lượng các tạp chí khoa học ngày càng nhiều và số lượng các tạp chí này ngày càng mở rộng, độc giả của các tạp chí khoa học không thể theo kịp tài liệu và buộc phải đọc lướt các bài báo trên tạp chí theo cách mà nhiều độc giả đọc lướt báo. Xu hướng này có xu hướng được tăng cường hơn trong môi trường web. Hầu hết mọi người có xu hướng chỉ đọc màn hình đầu tiên của văn bản. Tổng cộng 90% người đọc một trang web không cuộn xuống (Goldsborough, 2000³³). Đọc lướt cung cấp một cách hiệu quả để lọc qua một lượng lớn thông tin. Theo một nghiên cứu của Poynter

³¹ Darnton, R. (1989), “Towards a history of reading”, *Wilson Quarterly*, Vol. 13 No. 4, pp. 87-102.

³² Berkenkotter, C. and Huckin, T.N. (1993), “Rethinking genre from a sociocognitive perspective”, *Written Communication*, Vol. 10 No. 4, pp. 475-509.

³³ Goldsborough, R. (2000), “Text demands respect on the web”, *Advertising Age*, Vol. 71 No. 32, p. 44.

Institute (2000)³⁴, người dùng web có xu hướng “thực hiện rất nhiều thao tác xem lướt ngắn, tìm kiếm nhanh chóng thông qua nhiều bản tóm tắt bài báo, nhưng khi hứng thú thì họ sẽ đi sâu vào một chủ đề hoặc bài báo cụ thể”.

Tăng cường đọc một lần và đọc có chọn lọc. Hơn 56% số người được hỏi lưu ý rằng tỷ lệ tài liệu họ đọc một lần (đọc một lần) đang tăng lên. Vì thời gian dành cho việc đọc là hạn chế và chúng không thể theo kịp tốc độ phát triển của sản xuất thông tin, điều này có nghĩa là tỷ lệ tài liệu sẽ được đọc ít hơn (Liu, 2003³⁵). Mặt khác, tỷ lệ lớn hơn các tài liệu sẽ chỉ được đọc một lần. Khi tìm kiếm thông tin có liên quan, người đọc có xu hướng thể hiện tính chọn lọc thường xuyên hơn và công khai hơn, do đó dẫn đến hiểu biết từng phần và hiểu sâu hơn (Topping, 1997³⁶).

Tăng khả năng đọc phi tuyến tính và giảm sự chú ý bền vững.

Sự xuất hiện của siêu văn bản cho phép đọc phi tuyến tính nhiều hơn (ví dụ: nhảy). Càng nhiều liên kết gặp phải, sự khác biệt tiềm ẩn trong đường dẫn đọc càng lớn. Đọc siêu tốc (ví dụ: nhảy) cũng có thể ảnh hưởng đến sự chú ý liên tục và góp phần làm cho việc đọc bị phân mảnh hơn, vì mỗi trang phải cạnh tranh với nhiều trang khác để thu hút sự chú ý của người dùng. Birkerts (1994³⁷) và Stoll (1995)³⁸ lưu ý rằng môi trường kỹ thuật số có xu hướng khuyến khích mọi người khám phá nhiều chủ đề một cách sâu rộng, nhưng ở mức độ hời hợt hơn. Các siêu liên kết khiến mọi người phân tâm khỏi việc đọc và suy nghĩ sâu sắc về một chủ đề duy nhất. Trong một nghiên cứu về những độc giả đọc siêu văn bản được kích thích khả năng đọc viết hoặc cùng một văn bản ở dạng tuyến tính, Miall và Dobson (2001)³⁹ cũng phát hiện ra rằng “siêu văn bản không khuyến khích chế độ hấp thụ và phản xạ đặc trưng cho việc đọc hiểu biết chữ”.

³⁴ Poynter Institute (2000), “Eye-tracking study conducted by the Poynter Institute and Stanford University”, available at: www.poynter.org/eyetrack2000/

³⁵ Liu, Z. (2003), “Trends in transforming scholarly communication and their implications”, *Information Processing & Management*, Vol. 39 No. 6, pp. 889-98.

³⁶ Topping, K.J. (1997), “Electronic literacy in school and home: a look into the future”, *International Reading Association*, Newark, DE, available at: www.readingonline.org/international/future/

³⁷ Birkerts, S. (1994), *The Gutenberg Elegies: The Fate of Reading in an Electronic Age*, Faber and Faber, Boston, MA.

³⁸ Stoll, C. (1995), *Silicon Snake Oil: Second Thoughts on the Information Highway*, Doubleday, New York, NY.

³⁹ Miall, D.S. and Dobson, T. (2001), “Reading hypertext and the experience of literature”, *Journal of Digital Information*, Vol. 2 No. 1, available at: <http://jodi.ecs.soton.ac.uk/Articles/v02/i01/Miall/>

Giảm đọc chuyên sâu và tập trung. Đọc chậm hơn và ít chuyên sâu hơn là một đặc điểm khác của đọc “siêu mở rộng”. Eveland và Dunwoody (2001)⁴⁰ nhận thấy rằng độc giả rất khó tập trung toàn bộ vào việc đọc vì họ phải quyết định đọc văn bản nào, theo siêu liên kết nào và có nên cuộn trang xuống hay không.

Chú thích và tô màu tài liệu in so với tài liệu điện tử

Mọi người thích chú thích khi họ đọc, đặc biệt là để đọc chuyên sâu. Nghiên cứu của Olsen (1994)⁴¹ cho thấy 63% người được phỏng vấn thích chú thích hoặc gạch chân các bài báo. Một nghiên cứu của King Research Inc. cũng tiết lộ rằng 33% người sao chép đăng ký cá nhân của họ và 56% sao chép bộ sưu tập thư viện để chú thích và / hoặc làm nổi bật các tài liệu in (Griffiths và King, 1993)⁴². Chú thích và tô sáng trong khi đọc là một hoạt động phổ biến trong môi trường in. Mô hình “truyền thống” này có chuyển sang môi trường kỹ thuật số khi chúng ta đọc các tài liệu điện tử không? Câu trả lời là không. Tại sao mọi người ít có khả năng chú thích hoặc làm nổi bật các tài liệu kỹ thuật số? Có vẻ như nhiều người tìm kiếm hoặc duyệt các tài liệu kỹ thuật số, nhưng khi họ cần đọc một số tài liệu chuyên sâu, họ sẽ in ra và sau đó chú thích tài liệu đã in. Chú thích tài liệu điện tử chắc chắn là có thể, nhưng nó đòi hỏi nhiều tài nguyên và kỹ năng bổ sung hơn là một cây bút chì hoặc bút đánh dấu đơn giản (McKnight, 1997)⁴³. O’Hara và Sellen (1997)⁴⁴ cũng thấy rằng chú thích trên giấy được tích hợp trơn tru với việc đọc, nhưng chú thích trực tuyến lại gây mất tập trung. Một người trả lời báo cáo rằng “đánh dấu và chú thích các tài liệu kỹ thuật số không đến tự nhiên và cần thực hành. Marshall (1997)⁴⁵ lưu ý rằng “hỗ trợ cho sự tích hợp trơn tru giữa chú thích với việc đọc - là điều khó giải thích nhất theo quan điểm thiết kế; tuy nhiên, nó có khả năng là quan

⁴⁰ Eveland, W.P. and Dunwoody, S. (2001), “User control and structural isomorphism or disorientation and cognitive load? Learning from the web versus print”, *Communication Research*, Vol. 28 No. 1, pp. 48-78.

⁴¹ Olsen, J. (1994), *Electronic Journal Literature: Implications for Scholars*, Mecklermedia, London.

⁴² Griffiths, J. and King, D.W. (1993), *Special Libraries: Increasing the Information Edge*, Special Libraries Association, Washington, DC.

⁴³ McKnight, C. (1997), “Electronic journals: what do users think of them?”, *Proceedings of the International Symposium on Research, Development and Practice in Digital Libraries*, University of Library and Information Science, Tsukuba.

⁴⁴ O’Hara, K. and Sellen, A. (1997), “A comparison of reading paper and on-line documents”, *Proceedings of CHI’97 Conference*, Atlanta, GA, pp. 335-42.

⁴⁵ Marshall, C.C. (1997), “Annotation: from paper books to the digital library”, *Proceedings of the 2nd ACM International Conference on Digital Libraries*, Philadelphia, PA, pp. 131-40.

trọng nhất”.

In để đọc

Trong một nghiên cứu gần đây, Liu (2006)⁴⁶ đã phát hiện ra rằng “*Mặc dù việc sử dụng các nguồn điện tử và thói quen đọc trực tuyến khác nhau tùy theo lĩnh vực, nhưng tần suất in ra các tài liệu điện tử là giống nhau một cách đáng ngạc nhiên ở tất cả các lĩnh vực*”. Truyền thống cầm một cuốn sách trong tay khi đọc có thể giải thích một phần lý do tại sao những quan điểm thay thế tài liệu in bằng phương tiện điện tử lại lạc quan quá mức. Strassmann (1985)⁴⁷ cũng nhấn mạnh rằng hệ thống thần kinh của con người có một cơ chế điều khiển đặc biệt cho sự phối hợp của bàn tay với các cơ tập trung của mắt. Đọc thứ gì đó cầm trên tay dễ hơn nhiều so với thứ chỉ nằm trên bàn. Trong thời đại kỹ thuật số, in để đọc vẫn là một trong những động lực chính thúc đẩy việc tiêu thụ giấy ngày càng tăng (Hart và Liu, 2003⁴⁸; Liu và Stork, 2000⁴⁹; Sellen và Harper, 2002⁵⁰).

4. Phát triển văn hóa đọc

Khái niệm phát triển dùng để chỉ quá trình vận động theo khuynh hướng đi từ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Như vậy, khái niệm phát triển không đồng nhất với khái niệm vận động nói chung; đó không phải là sự biến đổi tăng lên hay giảm đi đơn thuần về lượng hay sự biến đổi tuần hoàn lặp đi lặp lại ở chất cũ mà là sự biến đổi về chất theo hướng hoàn thiện của sự vật. Phát triển cũng là quá trình phát sinh và giải quyết mâu thuẫn khách quan vốn có của sự vật; là quá trình thống nhất giữa phủ định những nhân tố tiêu cực và kế thừa, nâng cao nhân tố tích cực từ sự vật cũ trong hình thái mới của sự vật.

Phát triển văn hóa đọc cho sinh viên là quá trình nâng cao chất lượng và có hệ thống năng lực định hướng tài liệu (nhu cầu đọc, động cơ đọc, khả năng

⁴⁶ Liu, Z. (2006). “Print vs. electronic resources: a study of user perceptions, preferences and use”, *Information Processing and Management*, Vol. 42 No. 2, pp. 583-92.

⁴⁷ Strassmann, P.A. (1985), *Information Payoff*, The Free Press, New York, NY

⁴⁸ Hart, P.E. and Liu, Z. (2003), “Trust in the preservation of digital information”, *Communications of the ACM*, Vol. 46 No. 6, pp. 93-7

⁴⁹ Liu, Z. and Stork, D. (2000), “Is paperless really more? Rethinking the role of paper in the digital age”, *Communications of the ACM*, Vol. 43 No. 11, pp. 94-7

⁵⁰ Sellen, A. and Harper, R. (2002), *The Myth of the Paperless Office*, MIT Press, Cambridge, MA

nhận dạng nhu cầu đọc, khả năng tìm kiếm và lựa chọn tài liệu); Năng lực lĩnh hội tài liệu (kỹ năng đọc, khả năng lĩnh hội tài liệu, khả năng phê phán, đánh giá tài liệu, khả năng vận dụng tri thức đã đọc vào hạt động thực tiễn); Ứng xử văn hóa với tài liệu (thái độ trân trọng tài liệu và tác giả, hiểu biết về đạo đức và pháp lý liên quan đến truy cập, sử dụng và chia sẻ tài liệu, năng lực thực thi quyền sở hữu trí tuệ).

Phát triển văn hóa đọc của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình nỗ lực bản thân dưới tác động của các tổ chức xã hội như các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, cộng đồng và tác động giáo dục của gia đình và nhà trường,.. trong đó thư viện có vị trí đặc biệt quan trọng

Phát triển văn hóa đọc phải là quá trình tự thân người đọc rèn luyện thói quen đọc, được trang bị kiến thức và kỹ năng để hình thành các năng lực về định hướng đọc, năng lực lĩnh hội tài liệu và có thái độ ứng xử văn hóa với tài liệu, với việc đọc.

Công tác phát triển văn hoá đọc cho một người/nhóm người là quá trình tác động, tạo điều kiện thuận lợi của các cơ quan, tổ chức liên quan giúp cho họ phát triển các năng lực trong quá trình đọc tài liệu, lĩnh hội tài liệu ở mức độ cao hơn.

Văn hóa đọc được hình thành khá sớm trong cuộc đời mỗi người, từ khi con người biết đọc, biết viết, đồng thời luôn vận động, phát triển ngày càng hoàn thiện hơn dưới tác động của môi trường xã hội và giáo dục. Hoạt động phát triển văn hóa đọc đồng nghĩa với việc phát triển năng lực định hướng của chủ thể đến tài liệu, năng lực lĩnh hội tài liệu và thái độ ứng xử với tài liệu lên mức độ cao hơn.

Hiệu quả của phát triển văn hóa đọc cho sinh viên chỉ có thể được nâng cao nếu có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng của nhà trường, thư viện đại học, giảng viên và các tổ chức xã hội. Trong thời gian gần đây, văn hóa đọc và phát triển văn hóa đọc là vấn đề được nhà nước ta, cộng đồng, xã hội và cá nhân quan tâm đặc biệt. Bộ VH, TT&DL cùng Dự án giáo dục sachhay.com TP.HCM đã tổ chức hội thảo “Thực trạng và giải pháp phát triển văn hóa đọc ở Việt Nam”. Hội thảo đã tiến hành đánh giá thực trạng văn hóa đọc ở Việt Nam,

đề xuất các giải pháp phát triển văn hóa đọc; xác định các biện pháp mang tính chiến lược, các giải pháp tình huống, giải pháp lâu dài và các biện pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển văn hóa đọc một cách hiệu quả. Dự thảo Chiến lược quốc gia về phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020 đã tìm hiểu thực trạng văn hóa đọc ở Việt Nam và bối cảnh phát triển văn hóa đọc hiện nay; đưa ra các quan điểm, định hướng, mục tiêu và nhiệm vụ phát triển văn hóa đọc đến năm 2020; đề xuất các giải pháp phát triển văn hóa đọc và việc tổ chức thực hiện chiến lược.

Theo TS. Đỗ Hương Cúc, cần xây dựng chương trình giáo dục kỹ năng đọc sách trong môi trường truyền thông và môi trường điện tử, chương trình này được giảng dạy không chỉ ở các trường đại học mà còn được giảng dạy cho trẻ em ngay khi cấp sách tới trường, thậm chí lồng ghép “giáo dục kỹ năng đọc sách” dưới nhiều hình thức để cảm thụ, ứng dụng ^[51]. Chung quan điểm trên, TS. Nguyễn Ánh Hồng cho rằng, muốn lấp khoảng trống văn hóa đọc, mỗi bạn trẻ cần hiểu được các kỹ năng đọc sách, tầm quan trọng của sách và của văn hóa đọc. Gia đình cũng cần góp phần khơi dậy niềm đam mê, nhận thức ngay từ bé cho bạn trẻ.

Về phía nhà trường cần có nhiều hoạt động khuyến khích phong trào đọc sách trong sinh viên cũng như cán bộ, công nhân viên, giảng viên trong toàn trường. Nhà trường phải đổi mới phương pháp dạy học, khuyến khích sinh viên tự đọc, tìm hiểu sách trau dồi kiến thức, đồng thời nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị và vốn tài liệu thư viện trong trường học hơn nữa để đáp ứng nhu cầu đọc của sinh viên. TS. Hồng còn đề xuất, đối với các cơ quan chủ quản, các nhà xuất bản cần tăng cường tổ chức các hội sách thường niên để quảng bá, giới thiệu sách; tổ chức những chương trình truyền thông để truyền bá giá trị và cách đọc sách ⁵².

⁵¹ Lấp khoảng trống văn hóa đọc trong giới trẻ (2020), <http://cand.com.vn/Chuyen-dong-van-hoa/Lap-khoang-trong-van-hoa-doc-trong-gioi-tre-599775>

⁵² <http://cand.com.vn/Chuyen-dong-van-hoa/Lap-khoang-trong-van-hoa-doc-trong-gioi-tre-599775/>